TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/DS-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Thạch; ông Nguyễn Văn Thượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966; trú tại: Tổ A, ấp B, xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Cẩm V, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ 1, ấp B, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1973; cư trú tại: Tổ 1, ấp B, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh

Bà T, bà V có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Ngày 30-01-2018 (dương lịch) bà có cho bà Huỳnh Thị Cẩm V vay 300.000.000 đồng; mục đích vay là để trả nợ ngân hàng, thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 2%/tháng; thời hạn vay là 1 tháng từ ngày 30-01-2018 đến 30-02-2018. Chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện là giấy vay tiền ghi ngày 30-01-2018, có chữ viết và chữ ký của bà V.

Ông Trịnh Minh T là chồng bà V không ký vào giấy vay tiền nhưng biết được việc vay tiền nên phải cùng có trách nhiệm trả nợ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Cẩm V và ông Trịnh Minh T cùng liên đới trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất quá hạn là 0.83%/tháng. Thời gian tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày hết hạn trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi đến khi trả xong số nợ trên.

Khi vay bà không cầm cố thế chấp tài sản nào của bà V, ông T.

Ngoài khoản nợ này, vợ chồng bà V, ông T không nợ bà khoản tiền nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – bà Huỳnh Thị Cẩm V trình bày:

Bà thừa nhận ngày 30-01-2018 dương lịch có vay 300.000.000 đồng của bà Lê Thị T như lời trình bày của bà T là đúng. Khi vay bà có viết và ký vào giấy nợ bà T đang giữ. Tuy nhiên, khoản vay này là một mình bà đứng tên vay và sử dụng mục đích riêng, không liên quan đến chồng bà là ông Trịnh Minh T. Mặt khác, ông T không có ký tên vào giấy nợ nên bà chỉ đồng ý một mình bà trả cho bà T 300.000.000 đồng tiền gốc và lãi như yêu cầu của bà T.

Khi vay bà không cầm cố thế chấp tài sản gì cho bà T.

Ngoài khoản tiền trên, bà không nợ bà T khoản tiền nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Trịnh Minh T hợp lệ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt là từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung: Ngày 30-01-2018, bà V ký giấy vay của bà T số tiền 300.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hẹn thời gian trả nợ là 01 tháng kể từ ngày vay. Bà T yêu cầu bà V, cùng chồng là ông T trả số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày hết hạn trả nợ vay đến ngày xét xử theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp quy định của pháp luật, do đó căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà V, ông T trả cho bà T số tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Trịnh Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T và bà V thống nhất trình bày: Ngày 30-01-2018, bà Huỳnh Thị Cẩm V có vay của bà T 300.000.000 đồng, mục đích là để trả nợ ngân hàng; hẹn thời gian trả nợ là 01 tháng kể từ ngày vay; bà V có ký, ghi họ, tên vào "Giấy vay tiền", chữ viết trong giấy vay tiền là của bà V. Sau khi vay tiền, bà V chưa trả tiền gốc.

[2.1] Tuy nhiên, bà V cho rằng đây là khoản vay riêng của bà, không liên quan đến chồng bà là ông Trịnh Minh T. Xét thấy, khoản nợ 300.000.000 đồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà V, ông T. Trong giấy vay tiền có ghi mục đích vay là để "trả nợ ngân hàng".

Tại bút lục số 30, 31, Ngân hàng A xác nhận: Ngày 31-01-2018 bà V có trả Ngân hàng tổng cộng 819.626.667 đồng là trả vào khoản vay chung của hai vợ chồng bà V, ông T là phù hợp với thời gian, mục đích vay trong giấy vay tiền ghi ngày 30-01-2018 mà bà V đã ký.

Bà V cho rằng khoản nợ 300.000.000 đồng là nợ riêng của bà nhưng không có căn cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy, bà T yêu cầu hai vợ chồng bà V, ông T liên đới trả nợ là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, cần buộc bà V và ông T phải liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi cho bà T là đúng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Bà V cho rằng bà đã trả tiền lãi hàng tháng kể từ ngày vay đến nay nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Do trong giấy nhận nợ các bên không thỏa thuận tiền lãi suất trong thời kỳ vay và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ; nay nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi suất là 0,83%/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Buộc bà Huỳnh Thị Cẩm V và ông Trịnh Minh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T: Số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi, cụ thể như sau: 300.000.000 đồng x 0,83% x 2 năm 6 tháng 29 ngày (từ ngày 01-3-2018 đến ngày 30-9-2020) = 77.107.000 đồng. Tổng cộng bà V, ông T phải trả cho bà T số tiền gốc và lãi là 377.107.000 đồng.

[3] Về án phí: Tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm được xử lý theo quy định tại Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Lê Thị T đối với bà Huỳnh Thị Cẩm V, ông Trịnh Minh T.

Buộc bà Huỳnh Thị Cẩm V và ông Trịnh Minh T liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và 77.107.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 377.107.000 (ba trăm bảy mươi bảy triệu một trăm lẻ bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Cẩm V và ông Trịnh Minh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.855.000 (mười tám triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Lê Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Lê Thị T 9.367.000 (chín triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000762 ngày 15-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Báo cho bà Lê Thị T, bà Huỳnh Thị Cẩm V biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trịnh Minh T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn